

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **521/2025/DS-ST**

Ngày: 23- 6- 2025

V/v tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Thái
2. Bà Phan Thị Diệu Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyên Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân– Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/DSST ngày 09/01/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 692/2025/QĐXXST-DS ngày 12/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 905/2025/QĐ-HPT ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần N,
Địa chỉ trụ sở: A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội,
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1973,
Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh,
(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1989,
CCCD số 079189000231 cấp ngày 21/01/2016,

Địa chỉ: B T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N do ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V, ngày 23/4/2020 của bà Huỳnh Ngọc P, Ngân hàng TMCP N (gọi tắt là V1) đã đồng ý cấp cho bà Huỳnh Ngọc P thẻ tín dụng số M0440001092 và số V0440002897, hạn mức thẻ tín dụng mỗi thẻ là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Bà Huỳnh Ngọc P đã phát sinh nợ quá hạn tại N Chi nhánh T1 và hiện tại đang được phân loại nợ xấu. Tính đến hết ngày 19/6/2025, tổng dư nợ của Bà Huỳnh Ngọc P tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là 52.748.644 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 19.963.435 đồng, lãi quá hạn và phí: 32.785.209 đồng.

Nay N yêu cầu bà Huỳnh Ngọc P có nghĩa vụ thanh toán cho N một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 19/6/2025 là 52.748.644 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 20/6/2025, bà Huỳnh Ngọc P tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí thỏa thuận với N Chi nhánh T1 tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V, ngày 23/4/2020 (thẻ tín dụng số M0440001092 và số V0440002897) cho đến ngày thực tế Bà Huỳnh Ngọc P hết nợ gốc cho N.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc P vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 273; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010:

Đề nghị hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Án phí : Bị đơn phải chịu và tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Ngọc P thanh toán khoản tiền nợ thẻ tín dụng, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc P có nơi cư trú cuối cùng tại nhà số B T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà P đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Ngọc P thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V, ngày 23/4/2020, tính đến ngày 19/6/2025 là 52.748.644 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 19.963.435 đồng, lãi quá hạn và phí: 32.785.209 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn bà Huỳnh Ngọc P không có văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, ngày 23/4/2020, bà Huỳnh Ngọc P và Ngân hàng TMCP N ký kết Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Huỳnh Ngọc P, thẻ tín dụng số M0440001092 và V0440002897, hạn mức mỗi thẻ tín dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Như vậy, việc giao kết các hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu bà Huỳnh Ngọc P3 thanh toán số tiền nợ gốc và lãi theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 23/4/2020, tính đến ngày 19/6/2025 là 52.748.644 đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 19.963.435 đồng, lãi quá hạn và phí: 32.785.209 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.2] Về yêu cầu bà Huỳnh Ngọc P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 23/4/2020, tính kể từ ngày 20/6/2025 cho đến ngày bà Huỳnh Ngọc P trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.

- Buộc bà Huỳnh Ngọc P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 23/4/2020, tạm tính đến ngày 19/6/2025 là 52.748.644 (năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó gồm: nợ gốc: 19.963.435 đồng, lãi quá hạn và phí: 32.785.209 đồng.

Kể từ ngày 20/6/2025 cho đến thi hành án xong, bà Huỳnh Ngọc P còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 23/4/2020.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc P phải chịu số tiền là 2.637.432 (hai triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí 1.281.638 (một triệu hai trăm tám mươi một ngàn sáu trăm ba mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045528 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Nữ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Nữ